

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 19-8-2024.

“V/v Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sầm Văn Chiến;

2. Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ bản V, xã S, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn C, sinh năm 1980.

Địa chỉ bản V, xã S, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Lò Thị N trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn C tự nguyện về chung sống với nhau từ giữa năm 2001, tại bản V, xã S, thị xã N; không đi đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do hai người tính cách không hợp nhau, do không thể tiếp tục cùng chung sống nên chị N đã đi là ăn xa khỏi địa phương, kể từ đó hai người không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không thể cùng chung sống với anh C được nữa, nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị N và anh C là vợ chồng.

+ Con chung: Giữa chị N và anh C có 01 con chung là Lò Nam A, sinh ngày 06/5/2002; hiện cháu Nam A đã trưởng thành nên chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Lò Văn C nhiều lần, nhưng anh C từ chối nhận các văn bản; anh C cố ý không có mặt để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- Biên bản xác minh ngày 08/7/2024 tại xã Sơn A: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn C không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn A, thị xã Nghĩa Lộ theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ phát biểu quan điểm:

Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 11 Luật hộ nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn C.

- Con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành.

- Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tổ tụng: Chị Lò Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn; việc chung sống được thể hiện tại đơn đề nghị có xác nhận của UBND xã Sơn A. Quá trình chung sống chị N và anh C phát sinh mâu thuẫn, chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị N và anh C. Do chị N và anh C không có đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn C

[3] Con chung: Giữa chị N và anh C có 01 con chung là Lò Nam A, sinh ngày 06/5/2002; hiện cháu Nam A đã trưởng thành nên chị N không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị N không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn C.

2. Án phí: Chị Lò Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0000883 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Sơn A;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Xuân